UBND TỈNH CÀ MAU **SỞ XÂY DỰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 552 /QĐ-SXD	*Cà Mau, ngày 02 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt E-HSMT/hồ sơ mời thầu Gói thầu số 04: Thi công xây dựng công trình, thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: Duy tu, sửa chữa tuyến đường ĐT.977 (Đường bộ ven biển), thuộc dự án: Duy tu, sửa chữa tuyến đường ĐT.977 (Đường bộ ven biển)

GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 57/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 80/2025/TT-BTC ngày 08 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu;

Căn cứ Công văn số 9886/VPCP-KTTH ngày 13 tháng 10 năm 2025 của Văn phòng Chính phủ về việc ủy quyền báo cáo UBTVQH về tình hình thực hiện kế hoạch ĐTC năm 2025 và dự kiến kế hoạch ĐTC năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 008/2025/QĐ-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh Cà Mau;

Căn cứ Quyết định số 02472/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc phân khai nguồn kinh phí Trung ương bổ sung có mục tiêu để thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 220/QĐ-SXD ngày 11 tháng 3 năm 2026 của Giám đốc Sở Xây dựng tỉnh Cà Mau về việc ủy quyền Quyết định một số nội dung thuộc lĩnh vực quản lý kết cấu hạ tầng giao thông;

Căn cứ Quyết định số 475/QĐ-SXD ngày 11/5/2026 của Giám đốc Sở Xây dựng tỉnh Cà Mau phê duyệt dự án: Duy tu, sửa chữa tuyến đường ĐT.977 (Đường bộ ven biển);

Căn cứ Quyết định số 482/QĐ-SXD ngày 12/5/2026 của Giám đốc Sở Xây dựng tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án: Duy tu, sửa chữa tuyến đường ĐT.977 (Đường bộ ven biển);

Căn cứ Quyết định số 511/QĐ-SXD ngày 19/5/2026 của Giám đốc Sở Xây dựng tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 01: Tư vấn quản lý dự án, thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án: Duy tu, sửa chữa tuyến đường ĐT.977 (Đường bộ ven biển);

Căn cứ Báo cáo số 421/BCTĐ-SXD ngày 01 tháng 6 năm 2026 của Sở Xây dựng tỉnh Cà Mau thẩm định hồ sơ mời thầu Gói thầu số 04: Thi công xây dựng công trình thuộc dự án: Duy tu, sửa chữa tuyến đường ĐT.977 (Đường bộ ven biển);

Xét đề nghị của Công ty TNHH Tư vấn và Đầu tư Xây dựng Hợp Nhất tại tờ trình số 70/TTr-HN ngày 01 tháng 6 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt E-HSMT/hồ sơ mời thầu gói thầu số 04: Thi công xây dựng công trình với nội dung theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Giao Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng chịu trách nhiệm phối hợp các đơn vị có liên quan thực hiện các bước tiếp theo của quy trình đấu thầu.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Trưởng phòng Quản lý kết cấu hạ tầng, Giám đốc Công ty Cổ phần Công trình giao thông Sông Mã, Giám đốc Công ty TNHH Tư vấn và Đầu tư Xây dựng Hợp Nhất và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Ban Giám đốc;
- Lưu: VT, KCHT (V, Ch).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ XÂY DỰNG TỈNH CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

Nội dung được ký số bởi:
Tên đơn vị: SỞ XÂY DỰNG TỈNH CÀ MAU
Mã số thuế: 2001230219
Thời gian ký: 02/06/2026 14:58:48

Lê Thành Huấn

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 552/QĐ-SXD ngày 02/6/2026 của Giám đốc Sở Xây dựng)

1. Tên gói thầu: Gói thầu số 04: Thi công xây dựng công trình.

2. Giá gói thầu: 8.985.155.289 đồng.

3. Nguồn vốn: Nguồn kinh phí Trung ương bổ sung có mục tiêu để thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ năm 2026 (theo Quyết định số 02472/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh).

4. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước, qua mạng.

5. Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ.

6. Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý II năm 2026.

7. Loại hợp đồng: Trọn gói.

8. Thời gian thực hiện hợp đồng: 60 ngày.

9. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT:

9.1. Quy định chung:

- Nhà thầu tham gia phải nghiên cứu kỹ E-HSMT, đặc biệt là tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT để chuẩn bị đầy đủ số liệu cho E-HSDT.

- Việc xem xét đánh giá E-HSDT theo tiêu chuẩn đánh giá do Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và Tổ chuyên gia do Nhà thầu tư vấn thành lập thực hiện và trình cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

- Các số liệu kê khai trong E-HSDT (theo E-HSMT) phải được cơ quan có thẩm quyền chứng thực hoặc có những bằng chứng đảm bảo tin cậy xác nhận. Nếu xét thấy các số liệu của nhà thầu kê khai chưa đảm bảo tin cậy thì Chủ đầu tư được phép mời nhà thầu làm rõ E-HSDT theo quy định, nhưng không làm thay đổi nội dung cơ bản E-HSDT và không thay đổi giá dự thầu.

9.2. Các tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT:

9.2.1. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT

E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Có bảo đảm dự thầu không vi phạm một trong các trường hợp quy định tại Mục 18.3 E-CDNT. Thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có) với giá trị bảo lãnh, thời hạn có hiệu lực và đơn vị thụ hưởng theo yêu cầu của E-HSMT (đối với bảo lãnh dự thầu điện tử thì phải được ký số). Thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh không được ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT; không được kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04A, Mẫu số 04B Chương IV). Đối với bảo lãnh dự thầu hoặc chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy, trường hợp có sự sai khác giữa thông tin về bảo đảm dự thầu mà nhà thầu kê khai trên

Hệ thống và thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh đính kèm thì căn cứ vào thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh dự thầu để đánh giá. Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu: bảo lãnh dự thầu điện tử hoặc bằng giấy.

Đối với gói thầu có giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng, nhà thầu có cam kết trong đơn dự thầu theo quy định tại Mục 18.7 E-CDNT.

2. Trường hợp nhà thầu liên danh thì thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện theo Mẫu số 03 Chương IV. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng tổng hợp giá dự thầu quy định tại Mẫu số 11 (11A hoặc 11B hoặc 11C hoặc 11D hoặc 11E) Chương IV hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng tổng hợp giá dự thầu; không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này.

3. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 E-CDNT.

4. Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống.

5. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.

Nhà thầu có E-HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong bước tiếp theo.

9.2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

9.2.2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:

Tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo Bảng số 01 Chương III của E-HSMT và được số hóa dưới dạng webform trên Hệ thống, nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ (trừ nhà thầu phụ đặc biệt) sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

Trường hợp đồng tiền nêu trong các hợp đồng tương tự hoặc xác nhận thanh toán của Chủ đầu tư đối với những hợp đồng xây lắp đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu liên quan chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu không phải VND thì khi lập E-HSDT, nhà thầu phải quy đổi về VND để làm cơ sở đánh giá E-HSDT. Việc quy đổi được áp dụng tỷ giá quy đổi của tỷ giá bán ra của một ngân hàng được nhà thầu mở tài khoản thanh toán và ghi trong hợp đồng xây lắp tương tự tại ngày ký hợp đồng tương tự đó.

Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) có huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc của gói thầu thì nhà thầu phải kê khai cụ thể phần công việc dành cho các công ty con, công ty thành viên theo Mẫu số 09C Chương IV. Việc đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị, khối lượng công việc do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhiệm trong gói thầu.

Bảng số 01 (Webform trên Hệ thống)

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
1	**Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu**	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2023(1) đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có từ 02 hợp đồng trở lên (xây lắp, EPC, EC, PC, chìa khóa trao tay) không hoàn thành do lỗi của nhà thầu (2).	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 07
2	**Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế**	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế(3) của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết trong đơn dự thầu
3	**Năng lực tài chính**					
3.1	**Kết quả hoạt động tài chính(4)**	Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu phải dương. (Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản - Tổng nợ)	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 08A
3.2	**Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm**	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03(5)năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 08A

	thuế VAT)	là 12.479.383.000 [(6)]VND.				
3.3	**Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu**	Nhà thầu phải chứng minh có khả năng tiếp cận hoặc có sẵn các tài sản có khả năng thanh khoản cao[(7)], hạn mức tín dụng khả dụng (hạn mức tín dụng còn được sử dụng) hoặc các nguồn tài chính khác (không bao gồm các khoản tạm ứng thanh toán theo hợp đồng) để đáp ứng yêu về cầu nguồn lực tài chính thực hiện gói thầu với giá trị là 2.695.547.000 [(8)]VND. Đối với trường hợp nhà thầu sử dụng cam kết cung cấp tín dụng của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam thì cam kết cung cấp tín dụng phải đáp ứng các điều kiện: - Giá trị tối thiểu: 2.695.547.000 [(8)]VND; - Thời gian có hiệu lực của cam kết cung cấp tín dụng: có hiệu lực trong 60 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc có hiệu lực đến ngày 31 tháng 12 năm 2026. - Được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu.”	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 08B, 08C
4	**Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng xây lắp tương tự[(9)]**	*- Yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng xây lắp tương tự: Áp dụng* ***1. Trường hợp gói thầu chỉ bao gồm 01 công***	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với	Mẫu số 05

		trình độc lập (ví dụ công trình A): Từ ngày 01 tháng 01 năm 2023(10) đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn(11) tối thiểu 01 công trình có: loại kết cấu: Công trình giao thông đường bộ (Thi công mặt đường láng nhựa), cấp: IV (12), có giá trị là V(13) = 4.492.577.000 VND với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh), nhà thầu quản lý(14) hoặc nhà thầu phụ. Ngoài ra, căn cứ tính chất của gói thầu, có thể quy định điều kiện tương tự về hiện trường nhưng phải bảo đảm không làm hạn chế sự tham dự thầu của nhà thầu.			phần công việc đảm nhận)	

Ghi chú:

(1) Ghi thời gian yêu cầu thông thường là 03 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Ví dụ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu.

(2) Hợp đồng xây lắp, EPC, EC, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu bao gồm:

- Hợp đồng bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành và nhà thầu không phản đối;

- Hợp đồng bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành, không được nhà thầu chấp thuận nhưng đã được trọng tài hoặc tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà thầu. Các hợp đồng không hoàn thành không bao gồm các hợp đồng mà quyết định của Chủ đầu tư đã bị bác bỏ bằng cơ chế giải quyết tranh chấp. Việc xác định hợp đồng không hoàn thành phải dựa trên tất cả những thông tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo quy định của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng tương ứng và khi mà nhà thầu đã hết tất cả các cơ hội có thể khiếu nại. Đối với các hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng vẫn hoàn thành hợp đồng thì không được coi là hợp đồng không hoàn thành.

Đối với nhà thầu liên danh mà chỉ có một hoặc một số thành viên trong liên danh vi phạm và bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP thì thành viên liên danh còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu. Trường hợp một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng, không còn năng lực để tiếp tục thực hiện hợp đồng,

làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ, chất lượng, hiệu quả của gói thầu thì chỉ một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng bị coi là không hoàn thành hợp đồng, thành viên còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu.

(3) Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế thu nhập cá nhân đối với nhà thầu là hộ kinh doanh) của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu (đối với trường hợp Hệ thống chưa cập nhật thông tin về nghĩa vụ nộp thuế) để đối chiếu khi được mời vào đối chiếu tài liệu. Nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế phải được thực hiện trước thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Trường hợp Hệ thống chưa trích xuất tự động thông tin về nghĩa vụ nộp thuế của nhà thầu thì nhà thầu nộp các tài liệu như sau:

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế. Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1).

(Ví dụ: ngày có thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu là 01/01 – 31/12 thì nhà thầu phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2022).

(4) Việc xác định giá trị tài sản ròng được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính của nhà thầu. Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, việc xác định giá trị tài sản ròng của nhà thầu được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính năm trước của năm Y (năm Y-1).

Ví dụ: Thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu là 01/01 – 31/12 và E-HSMT yêu cầu nhà thầu nộp báo cáo tài chính của 03 năm gần nhất thì việc xác định giá trị tài sản ròng của nhà thầu được thực hiện trên cơ sở bảo cáo tài chính năm 2022.

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh thì không đánh giá tiêu chí này.

(5) Ghi số năm yêu cầu, thông thường từ 03 năm đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu có số năm thành lập ít hơn số năm theo yêu cầu của E-HSMT thì doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên số năm mà nhà thầu thành lập. Trường hợp doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của nhà thầu đáp ứng yêu cầu về giá trị của E-HSMT thì nhà thầu vẫn được đánh giá tiếp mà không bị loại.

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh, không bắt buộc phải nộp báo cáo tài chính nhưng nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh doanh thu tương ứng với nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu vào sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu về nộp báo cáo tài chính áp dụng đối với các năm trước của năm Y (năm Y-1, năm Y-2...).

Ví dụ:

- Thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu là 01/01 – 31/12 và E-HSMT yêu cầu nhà thầu nộp báo cáo tài chính của 03 năm gần nhất thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2020, 2021, 2022).

- Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, thời điểm đóng thầu là ngày 15/11/2024 thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2021, 2022, 2023. Nhà thầu được thành lập vào năm 2022 nhưng doanh thu trung bình của năm 2022 và năm 2023 đáp ứng yêu cầu thì nhà thầu được tiếp tục đánh giá.

(6) Cách tính toán về mức yêu cầu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT):

a) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu từ 12 tháng trở lên thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = [(Giá gói thầu – giá trị thuế VAT)/thời gian thực hiện gói thầu theo năm] x k. Thông thường yêu cầu hệ số k trong công thức này là từ 1,5 đến 2;

b) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu dưới 12 tháng thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = (Giá gói thầu – giá trị thuế VAT) x k.

Thông thường yêu cầu hệ số "k" trong công thức này là 1,5.

(7) Tài sản có khả năng thanh khoản cao là tiền mặt và tương đương tiền mặt, các công cụ tài chính ngắn hạn, các chứng khoán sẵn sàng để bán, chứng khoán dễ bán, các khoản phải thu thương mại, các khoản phải thu tài chính ngắn hạn và các tài sản khác mà có thể chuyển đổi thành tiền mặt trong vòng một năm. Trường hợp E-HSMT có yêu cầu về cam kết cung cấp tín dụng và nhà thầu sử dụng cam kết này để chứng minh nguồn lực tài chính thì nhà thầu phải đính kèm bản scan cam kết cung cấp tín dụng trong E-HSDT.

(8) Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu:

a) Đối với gói thầu có thời gian thực hiện gói thầu từ 12 tháng trở lên, yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu được xác định theo công thức sau:

Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu = t x (Giá gói thầu/thời gian thực hiện gói thầu (tính theo tháng)).

Thông thường yêu cầu hệ số "t" trong công thức này là 3.

b) Đối với gói thầu có thời gian thực hiện gói thầu dưới 12 tháng, yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu được xác định theo công thức sau:

Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu = 30% x Giá gói thầu.

(9) Trường hợp gói thầu gồm công trình và hạng mục theo quy định của pháp luật về xây dựng thì chỉ nêu yêu cầu về hợp đồng tương tự đối với công trình. Đối với các hợp đồng tương tự mà nhà thầu đã tham gia với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà thầu thực hiện.

Đối với các hợp đồng mà Chủ đầu tư, tổ chuyên gia có bằng chứng cho thấy nhà thầu đã thực hiện với tư cách nhà thầu phụ do được chuyển nhượng thầu bất hợp pháp, vi phạm quy định tại khoản 8 Điều 16 của Luật Đấu thầu thì hợp đồng này sẽ không được xem xét, đánh giá.

(10) Ghi năm yêu cầu, thông thường từ 03 năm đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I và có thời gian thực hiện hợp đồng lớn hơn 36 tháng, chủ đầu tư có thể quy định năm yêu cầu từ 03 năm đến 08 năm.

(11) Hoàn thành toàn bộ nghĩa là đã thực hiện xong toàn bộ công việc của công trình/hạng mục và được nghiệm thu; hoàn thành phần lớn nghĩa là đã hoàn thành và được nghiệm thu ít nhất 80% khối lượng công việc của công trình/hạng mục công trình. Thời điểm xác nhận công trình/hạng mục hoàn thành để xác định công trình/hạng mục tương tự là thời điểm nghiệm thu công trình/hạng mục, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng.

(12) Ghi loại kết cấu, cấp công trình của công trình thuộc gói thầu. Loại kết cấu, cấp công trình được xác định theo Phụ lục II Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng. Trường hợp công trình/loại kết cấu công trình thuộc gói thầu không có trong Phụ lục II Thông tư số 06/2021/TT-BXD thì E-HSMT phải đưa ra quy định tính tương tự về bản chất của công trình; riêng đối với cấp công trình được xác định theo Phụ lục I Thông tư số 06/2021/TT-BXD. Trường hợp Thông tư số 06/2021/TT-BXD được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì việc xác định loại, cấp công trình thực hiện theo quy định tại Thông tư sửa đổi, bổ sung, thay thế Thông tư số 06/2021/TT-BXD.

Loại kết cấu, cấp công trình của nhà thầu thực hiện được xác định theo quy định của pháp luật xây dựng tại thời điểm phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình.

Chủ đầu tư không được đưa ra yêu cầu về hợp đồng tương tự đối với hạng mục trong trường hợp gói thầu chỉ gồm công trình hoặc cả công trình và hạng mục theo quy định của pháp luật về xây dựng (Ví dụ: yêu cầu hợp đồng tương tự đối với công trình giao thông cấp IV nhưng phải bao gồm hạng mục nền đắp đất, cấp phối đá dăm, mặt bê tông nhựa hoặc bê tông, rãnh thoát nước dọc, ngang, mái kè gia cố…).

(13) Ghi giá trị của V, V1, V2, V3. Trong đó:

- V có giá trị thông thường khoảng 50% giá trị công việc xây lắp của công trình thuộc gói thầu đang xét (công trình A). Đối với các công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế, có thể yêu cầu giá trị V trong khoảng 40% - 50% giá trị công việc xây lắp của công trình A.

- V1, V2, V3... có giá trị thông thường khoảng 50% giá trị của từng công trình/hạng mục tương ứng (A1, A2, A3...) thuộc gói thầu đang xét (bao gồm thuế, phí, lệ phí và chi phí dự phòng nếu có). Đối với các công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế, có thể yêu cầu giá trị V1, V2, V3... trong khoảng 40% - 50% giá trị của công trình/hạng mục A1, A2, A3...

- Việc đánh giá về giá trị của các công trình/hạng mục mà nhà thầu đã thực hiện, Tổ chuyên gia căn cứ vào giá trị hoàn thành, được nghiệm thu của công trình/hạng mục đó. Thời điểm xác nhận công trình/hạng mục hoàn thành để xác định công trình/hạng mục tương tự là thời điểm nghiệm thu công trình/hạng mục, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng.

(Hai công trình có cấp thấp hơn liền kề với cấp của công trình đang xét, giá trị hoàn thành mỗi công trình cấp thấp hơn liền kề bằng hoặc lớn hơn 50% giá trị của công trình đang xét thì được đánh giá là một công trình xây lắp tương tự).

Ví dụ: Trường hợp công trình đang xét là công trình xây dựng có loại kết cấu dạng nhà cấp II với giá trị công trình là 60 tỷ đồng, nếu nhà thầu có 2 công trình xây dựng có loại kết cấu dạng nhà cấp III với giá trị đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn lần lượt là 30 tỷ đồng, 50 tỷ đồng thì được coi là đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn một công trình dân dụng cấp II với giá trị 30 tỷ đồng.

- Các công trình/hạng mục tương tự mà nhà thầu đã hoàn thành có thể thuộc một hoặc nhiều hợp đồng (hợp đồng có thể đang thực hiện, chưa thanh lý).

- Đối với gói thầu gồm tổ hợp nhiều công trình theo pháp luật về xây dựng, Chủ đầu tư có thể yêu cầu phải hoàn thành công trình/hạng mục tương tự cho tất cả các công trình/hạng mục trong gói thầu hoặc chỉ yêu cầu hoàn thành công trình/hạng mục tương tự đối với một số công trình/hạng mục chính, trường hợp có một số công trình có cùng loại kết cấu thì chỉ yêu cầu về công trình/hạng mục tương tự đối với cùng loại kết cấu mà có cấp công trình cao nhất (trường hợp có nhiều công trình cùng loại kết cấu và cấp công trình thì giá trị hợp đồng tương tự được tính theo công trình có giá trị cao nhất). Công trình/hạng mục mà nhà thầu đã hoàn thành có cùng loại kết cấu và có cấp công trình cao hơn cấp công trình của gói thầu đang xét thì được coi là đáp ứng yêu cầu về loại kết cấu và cấp công trình.

Loại kết cấu, cấp công trình của công trình tương tự được xác định theo quy định của pháp luật xây dựng tại thời điểm phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình.

Ví dụ: Đối với gói thầu xây dựng "Trường trung học phổ thông A", bao gồm tổ hợp các công trình:

+ Nhà A1 (Nhà học): Cao 10 tầng, tổng diện tích sàn 8.000 m2, có giá trị theo dự toán được duyệt là (2X) VND. Nhà A1 là công trình kết cấu dạng nhà cấp II theo quy định của Thông tư số 06/2021/TT-BXD.

+ Nhà A2 (Nhà học): Cao 10 tầng, tổng diện tích sàn 5.000 m2, có giá trị theo dự toán được duyệt là (X) VND. Nhà A1 là công trình kết cấu dạng nhà cấp II theo quy định của Thông tư số 06/2021/TT-BXD.

+ Nhà A3 (Nhà học): Cao 6 tầng, tổng diện tích sàn 1.000 m2, có giá trị theo dự toán được duyệt là (Y) VND. Nhà A2 là công trình kết cấu dạng nhà cấp III theo quy định của Thông tư số 06/2021/TT-BXD.

+ Hàng rào bảo vệ: Cao 3 m

+ Nhà bảo vệ: Cao 1 tầng, diện tích sàn 12 m2

Trong E-HSMT có thể quy định kinh nghiệm thi công công trình tương tự là: "nhà thầu đã hoàn thành công trình xây dựng nhà, kết cấu dạng nhà cấp II, có giá trị tối thiểu là 50% x (2X) VND" mà không phải quy định nhà thầu phải có kinh nghiệm thực hiện cả các công trình xây dựng nhà A2, A3, hàng rào bảo vệ, nhà bảo vệ .

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà có thể yêu cầu tương tự về điều kiện hiện trường.

(14) Nhà thầu quản lý là nhà thầu không trực tiếp thực hiện một phần hoặc toàn bộ các công việc của gói thầu mà ký hợp đồng với các nhà thầu khác để thực hiện nhưng nhà thầu vẫn quản lý việc thực hiện của các nhà thầu mà mình đã ký hợp đồng, đồng thời vẫn chịu toàn bộ trách nhiệm cũng như rủi ro liên quan đến giá thành, tiến độ thực hiện, chất lượng và các nội dung khác của gói thầu.

9.2.2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kỹ thuật:

9.2.2.2.1. Nhân sự chủ chốt:

Nhà thầu phải cam kết trong đơn dự thầu về việc có đủ nhân sự chủ chốt đáp ứng yêu cầu của E-HSMT để làm cơ sở đánh giá. Nhà thầu cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất và hồ sơ kinh nghiệm của nhân sự theo các Mẫu số 06A, 06B và 06C Chương IV. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp nhà thầu được xếp thứ nhất, nhân sự chủ chốt mà nhà thầu đề xuất trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế tối đa hai lần đối với từng vị trí nhân sự chủ chốt trong thời hạn phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc đối với mỗi lần thay thế. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại và bị đánh giá về uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai nhân sự chủ chốt không trung thực trong E-HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Yêu cầu về nhân sự chủ chốt được số hóa dưới dạng Webform trên Hệ thống. Kinh nghiệm trong các công việc tương tự được thể hiện ở số năm tối thiểu nhân sự thực hiện các công việc tương tự hoặc số hợp đồng tối thiểu trong các công việc tương tự. Số năm kinh nghiệm của nhân sự chủ chốt được tính từ thời điểm nhân sự bắt đầu thực hiện công việc tương tự đó đến thời điểm đóng thầu.

Nhà thầu cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất tại các Mẫu số 06A, 06B và 06C Chương IV để chứng minh rằng mình có đầy đủ nhân sự cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu sau đây:

Bảng số 02: Yêu cầu về nhân sự chủ chốt (Webform trên Hệ thống)

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự[(1)]	Chứng chỉ, trình độ chuyên môn[(2)]
1	Chỉ huy trưởng công trường	1	Tối thiểu 2 năm hoặc tối thiểu 1 hợp đồng	- Tốt nghiệp đại học chuyên ngành xây dựng công trình giao thông (đường bộ), trường hợp trong Bằng tốt nghiệp không để rõ chuyên ngành thì phải kèm tài liệu chứng minh (riêng trường hợp cá nhân có trình độ cao đẳng kinh nghiệm trong các công việc tương tự tối thiểu 3 năm); - Đáp ứng điều kiện hành nghề Chỉ huy

				trưởng công trình Giao thông (đường bộ) hạng III trở lên theo quy định của Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ; - Có Hợp đồng lao động còn hiệu lực với nhà thầu hoặc các tài liệu về việc huy động nhân sự trong trường hợp nhân sự không thuộc quyền quản lý của nhà thầu (Trường hợp nhà thầu liên danh phải chứng minh khả năng huy động nhân sự được đề xuất, kể cả nhân sự thuộc thành viên liên danh này thực hiện nhiệm vụ của thành viên liên danh khác) - Tài liệu chứng minh kinh nghiệm trong các công việc tương tự: + Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng hoặc biên bản thanh lý; + Tài liệu chứng minh quy mô, loại, cấp công trình tương tự; + Tài liệu chứng minh nhân sự đã tham gia công việc tương tự.
2	Cán bộ phụ trách kỹ thuật, thi công	1	Tối thiểu 1 năm hoặc tối thiểu 1 hợp đồng	- Tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành xây dựng công trình giao thông (đường bộ), trường hợp trong Bằng tốt nghiệp không để rõ chuyên ngành thì phải kèm tài liệu chứng minh; - Có Hợp đồng lao động còn hiệu lực với nhà thầu hoặc các tài liệu về việc huy động nhân sự trong trường hợp nhân sự không thuộc quyền quản lý của nhà thầu (Trường hợp nhà thầu liên danh phải chứng minh khả năng huy động nhân sự được đề xuất, kể cả nhân sự thuộc thành viên liên danh này thực hiện nhiệm vụ của thành viên liên danh khác) - Hoặc tài liệu chứng minh kinh nghiệm trong các công việc tương tự cho tối thiểu 1 hợp đồng: + Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng hoặc biên bản thanh lý; + Tài liệu chứng minh quy mô, loại, cấp công trình tương tự; + Tài liệu chứng minh nhân sự đã tham gia

				công việc tương tự.
3	Cán bộ phụ trách an toàn lao động	1	Tối thiểu 1 năm hoặc tối thiểu 1 hợp đồng	- Tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành về an toàn lao động hoặc chuyên ngành xây dựng; - Có chứng chỉ huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động phù hợp còn hiệu lực tối thiểu 60 ngày kể từ thời điểm đóng thầu; - Có Hợp đồng lao động còn hiệu lực với nhà thầu hoặc các tài liệu về việc huy động nhân sự trong trường hợp nhân sự không thuộc quyền quản lý của nhà thầu (Trường hợp nhà thầu liên danh phải chứng minh khả năng huy động nhân sự được đề xuất, kể cả nhân sự thuộc thành viên liên danh này thực hiện nhiệm vụ của thành viên liên danh khác) - Hoặc tài liệu chứng minh kinh nghiệm trong các công việc tương tự cho tối thiểu 1 hợp đồng: + Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng hoặc biên bản thanh lý; + Tài liệu chứng minh quy mô, loại, cấp công trình tương tự; + Tài liệu chứng minh nhân sự đã tham gia công việc tương tự.

9.2.2.2.2. Thiết bị thi công chủ yếu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu:

Nhà thầu phải cam kết trong đơn dự thầu về việc có thiết bị thi công chủ yếu đáp ứng yêu cầu của E-HSMT để làm cơ sở đánh giá. Thiết bị thi công chủ yếu có thể của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp nhà thầu được xếp thứ nhất và thiết bị thi công chủ yếu mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động thiết bị (bao gồm cả trường hợp thiết bị đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế tối đa hai lần đối với từng thiết bị trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc đối với mỗi lần thay thế. Trường hợp nhà thầu không có thiết bị thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại và bị đánh giá về uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai thiết bị thi công chủ yếu không trung thực trong E-HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế thiết bị khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Yêu cầu về thiết bị thi công chủ yếu được số hóa dưới dạng Webform trên Hệ thống. Nhà thầu cung cấp thông tin chi tiết về các Thiết bị thi công chủ yếu được đề xuất theo Mẫu số 06D Chương IV để chứng minh rằng mình có đầy đủ thiết bị đáp ứng những yêu cầu sau đây:

Bảng số 03: Yêu cầu về thiết bị thi công chủ yếu (Webform trên Hệ thống)

STT	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Số lượng tối thiểu cần có
1	**+ Máy lu bánh thép - trọng lượng 10T** Tình trạng hoạt động tốt đáp ứng yêu cầu theo mẫu số 06D, có giấy đăng ký và đăng kiểm còn hiệu lực tối thiểu 60 ngày kể từ ngày có thời điểm đóng thầu	**2**
2	**+ Máy phun nhựa đường – công suất ≥ 190CV** Tình trạng hoạt động tốt đáp ứng yêu cầu theo mẫu số 06D.	**1**
3	**+ Ô tô tưới nước – dùng tích: 5m^3** Tình trạng hoạt động tốt đáp ứng yêu cầu theo mẫu số 06D, có giấy đăng ký và đăng kiểm còn hiệu lực tối thiểu 60 ngày kể từ ngày có thời điểm đóng thầu	**1**
4	**+ Ô tô vận tải thùng – trọng tải: 2,5T** Tình trạng hoạt động tốt đáp ứng yêu cầu theo mẫu số 06D, có giấy đăng ký và đăng kiểm còn hiệu lực tối thiểu 60 ngày kể từ ngày có thời điểm đóng thầu	**1**
5	**+ Thiết bị nấu nhựa 500 lít** Tình trạng hoạt động tốt đáp ứng yêu cầu theo mẫu số 06D.	**1**

Trường hợp nhà thầu trúng thầu và ký kết hợp đồng, nhà thầu có nghĩa vụ huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu như đã đề xuất ban đầu hoặc đề xuất thay đổi theo quy định tại Mục này. Trường hợp không huy động được nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu, nhà thầu bị phạt hợp đồng.

9.2.3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các nội dung quy định tại Chương V, thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và các yêu cầu khác nêu trong E-HSMT. Căn cứ vào từng gói thầu cụ thể, khi lập E-HSMT phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công;

- Tiến độ thi công;

- Cách thức quản lý dự án bao gồm: tổ chức quản lý dự án, tổ chức quản lý hiện trường; các biện pháp bảo đảm chất lượng; bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động;

- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì;

- Các yếu tố thân thiện môi trường (nếu có) gồm việc sử dụng các vật tư, vật liệu, biện pháp tổ chức thi công, dây chuyền, công nghệ thi công và các yếu tố khác (nếu có);

- Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP;

- Các yếu tố cần thiết khác;

**** Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt:***

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó. Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

9.2.3.1. Giải pháp kỹ thuật và biện pháp tổ chức thi công:

Nội dung yêu cầu	**Mức độ đáp ứng**	
1.1. Giải pháp kỹ thuật thi công cho các khối lượng công tác chính của gói thầu gồm: - Thi công mặt đường đá 4x6 chèn đá dăm; - Thi công mặt đường láng nhựa - Sơn gờ giảm tốc.	Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, khả thi, tuân thủ quy định của pháp luật xây dựng chuyên ngành về quản lý chất lượng công trình xây dựng cho các khối lượng công tác chính của gói thầu	**Đạt**
	- Không có giải pháp kỹ thuật thi công cho các khối lượng công tác chính của gói thầu. - Có giải pháp kỹ thuật thi công nhưng thiếu 01 trong các khối lượng công tác chính của gói thầu. - Có giải pháp kỹ thuật thi công cho các khối lượng công tác chính của gói thầu nhưng không hợp lý, không khả thi, không tuân thủ quy định của pháp luật xây dựng chuyên ngành và qua quá trình làm rõ vẫn không đáp ứng.	**Không đạt**
1.2 Biện pháp tổ chức thi công	Có biện pháp tổ chức thi công đầy đủ hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công.	**Đạt**
	Không có biện pháp tổ chức thi công đầy đủ hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công.	**Không đạt**
Kết luận	Các tiêu chuẩn chi tiết 1.1, 1.2, được xác định là đạt.	**Đạt**
	Không thuộc các trường hợp nêu trên.	**Không đạt**

9.2.3.2. Tiến độ thi công:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
2.1. Thời gian thi công: đảm bảo thời gian thi công không quá 60 ngày có tính điều kiện thời tiết kể từ ngày khởi công	Đề xuất thời gian thi công không vượt quá 60 ngày có tính đến điều kiện thời tiết.	**Đạt**
	Đề xuất về thời gian thi công vượt quá 60 ngày.	**Không đạt**
2.2. Tính phù hợp: a) Giữa huy động thiết bị và tiến độ thi công b) Giữa bố trí nhân lực và tiến độ thi công	- Đề xuất đầy đủ, hợp lý, khả thi cho cả 2 nội dung a) và b). - Có biểu đồ huy động thiết bị và biểu đồ bố trí nhân sự phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công	**Đạt**
	- Đề xuất không đủ 2 nội dung a) và b). - Không có biểu đồ huy động thiết bị và biểu đồ bố trí nhân sự hoặc có biểu đồ nhưng không phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công	**Không đạt**
2.3. Biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT	Có Biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi, phù hợp với biện pháp tổ chức thi công và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.	**Đạt**
	Không có Biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi; không phù hợp với biện pháp tổ chức thi công và không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.	**Không đạt**
Kết luận	Các tiêu chuẩn chi tiết 2.1, 2.2, 2.3 được xác định là đạt.	**Đạt**
	Không thuộc các trường hợp nêu trên.	**Không đạt**

9.2.3.3. Cách thức quản lý dự án bao gồm: tổ chức quản lý dự án, tổ chức quản lý hiện trường:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
3.1. Tổ chức quản lý dự án	Có sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý dự án và thuyết minh sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng bộ phận.	**Đạt**
	Không có sơ đồ, không có thuyết minh, không thể hiện rõ trách nhiệm của từng bộ phận.	**Không đạt**
3.2. Tổ chức quản lý hiện trường	Có sơ đồ tổ chức hiện trường và thuyết minh sơ đồ; ghi rõ chức năng nhiệm vụ của từng vị trí; nêu rõ mối quan hệ với tư vấn giám sát, tư vấn quản lý dự án.	**Đạt**
	Không có sơ đồ tổ chức hiện trường; không có thuyết minh sơ đồ; không ghi rõ chức năng nhiệm vụ của từng vị trí; không nêu rõ mối quan hệ với tư vấn giám sát, tư vấn quản lý dự án.	**Không đạt**
Kết luận	Các tiêu chuẩn chi tiết 3.1, 3.2, được xác định là đạt.	**Đạt**
	Không thuộc các trường hợp nêu trên	**Không đạt**

9.2.3.4. Biện pháp bảo đảm chất lượng:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
4.1. Biện pháp bảo đảm chất lượng trong thi công cho các khối lượng công tác chính của gói thầu gồm: - Thi công mặt đường đá 4x6 chèn đá dăm; - Thi công mặt đường láng nhựa - Sơn gờ giảm tốc.	Nêu đúng và đủ các tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm được áp dụng trong giải pháp kỹ thuật thi công, nghiệm thu đối với các khối lượng công tác chính của gói thầu.	**Đạt**
	Không nêu, nêu thiếu hoặc sai các tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm được áp dụng trong giải pháp kỹ thuật thi công, nghiệm thu đối với các khối lượng công tác chính của gói thầu.	**Không đạt**
4.2. Biện pháp bảo đảm chất lượng nguyên, vật liệu đầu vào để phục vụ công tác thi công. Gồm: Đá các loại, nhựa đường, sơn dẻo nhiệt…	Nêu rõ, đầy đủ nguồn vật tư chính cung cấp cho công trình, các biện pháp quản lý, kiểm tra chất lượng vật tư, vật liệu đầu vào.	**Đạt**
	- Không nêu hoặc nêu không đầy đủ nguồn vật tư chính cung cấp cho công trình; - Không có các biện pháp quản lý, kiểm tra chất lượng vật tư, vật liệu đầu vào hoặc có nhưng không đúng, không phù hợp.	**Không đạt**
Kết luận	Các tiêu chuẩn chi tiết 4.1, 4.2, được xác định là đạt.	**Đạt**
	Không thuộc các trường hợp nêu trên.	**Không đạt**

9.2.3.5. An toàn giao thông, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
5.1. An toàn giao thông: Giải pháp đảm bảo giao thông trong suốt quá trình thi công	Có đề xuất giải pháp đảm bảo an toàn giao thông hợp lý, khả thi, phù hợp theo thực tế và theo quy định về an toàn giao thông đối với công trình thi công trên đường đang khai thác.	**Đạt**
	Không có đề xuất hoặc có giải pháp đảm bảo an toàn giao thông nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp theo thực tế và theo quy định về an toàn giao thông đối với công trình thi công trên đường đang khai thác.	**Không đạt**
5.2. An toàn lao động, Kế hoạch tổng hợp về an toàn	Có Kế hoạch tổng hợp về an toàn theo các nội dung quy định tại Phụ lục III Nghị định 06/2021/NĐ-CP	**Đạt**
	Không có Kế hoạch tổng hợp về an toàn hoặc có nhưng không đầy đủ, không đúng theo các nội dung quy định tại Phụ lục III Nghị định 06/2021/NĐ-CP	**Không đạt**

5.3. Phòng cháy, chữa cháy: Biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Có biện phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	**Đạt**
	Không có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hoặc có biện pháp phòng cháy, chữa cháy nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	**Không đạt**
5.4. Vệ sinh môi trường: Các biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình thi công, đảm bảo: - Chống ô nhiễm không khí và môi trường nước; - Chống ồn; - Xử lý chất thải; - Thu dọn hiện trường.	Có đề xuất biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình thi công hợp lý, khả thi, đảm bảo đầy đủ các yếu tố ở Mục 5.4	**Đạt**
	Không có đề xuất biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình thi công hoặc có nhưng không hợp lý, không khả thi, không đầy đủ các yếu tố ở Mục 5.4	**Không đạt**
Kết luận	Các tiêu chuẩn chi tiết 5.1, 5.2, 5.3, 5.4 được xác định là đạt.	**Đạt**
	Không thuộc các trường hợp nêu trên.	**Không đạt**

9.2.3.6. Bảo hành:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
6.1. Thời gian bảo hành công trình tối thiểu 01 năm	Đề xuất thời gian bảo hành ≥ 01 năm	**Đạt**
	- Không có thời gian bảo hành - Đề xuất thời gian bảo hành < 01 năm	**Không đạt**
6.2 Thuyết minh chế độ bảo hành công trình, nhiệm vụ, trách nhiệm nhà thầu trong quá trình bảo hành.	Có thuyết minh, nhiệm vụ hợp lý, đầy đủ và tuân thủ theo Nghị định 06/2021/NĐ-CP.	**Đạt**
	Không có thuyết minh, nhiệm vụ hoặc có nhưng không hợp lý, không đầy đủ, không tuân thủ theo Nghị định 06/2021/NĐ-CP.	**Không đạt**
Kết luận	Các tiêu chuẩn chi tiết 6.1, 6.2, được xác định là đạt	**Đạt**
	Không thuộc các trường hợp nêu trên	**Không đạt**

9.2.3.7. Kết quả thực hiện hợp đồng trước đó của nhà thầu:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại	7.1. Không có thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng xây lắp của nhà thầu trên cơ sở dữ liệu quốc gia bị vi phạm: chậm tiến độ, vi phạm chất lượng công trình, vi phạm hợp đồng, chấm dứt hợp đồng do lỗi	**Đạt**

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP trong vòng 3 năm 2023, 2024, 2025 trở lại đây.	của nhà thầu.	
	7.2. Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng xây lắp của nhà thầu trên cơ sở dữ liệu quốc gia bị 01 trong các vi phạm: chậm tiến độ, vi phạm chất lượng công trình, vi phạm hợp đồng, chấm dứt hợp đồng do lỗi của nhà thầu.	**Không đạt**
Kết luận	Nội dung yêu cầu trên được đánh giá là đạt	**Đạt**
	Nội dung yêu cầu trên được đánh giá là không đạt	**Không đạt**

Nhà thầu được đánh giá là đạt yêu cầu về kỹ thuật khi các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7 được đánh giá là đạt. Trường hợp nhà thầu không đạt một trong các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7 thì được đánh giá là không đạt và không được xem xét, đánh giá bước tiếp theo.

9.2.4. Đánh giá về mặt tài chính:

*** Phương pháp giá thấp nhất:**

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Bước 2. Hiệu chỉnh sai lệch thừa (thực hiện theo quy định tại Mục 28 E-CDNT);

Bước 3. Xác định giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 4. Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 29 E-CDNT;

Bước 5. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), sau ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Mục 32 - Chương I: Chỉ dẫn nhà thầu của E-HSMT.